

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3.2.../2019/BC-ABIC-ĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Năm báo cáo: 2018**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên tiếng việt: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
- Tên giao dịch: Bảo hiểm Agribank
- Tên viết tắt: ABIC
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: Giấy phép điều chỉnh gần nhất số: 38GP/GPĐC4 /KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 07/01/2015.
- Vốn điều lệ: 380.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 6 nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy - Cầu Giấy- Hà Nội
- Số điện thoại: 0246.2990.055
- Số Fax: 0246.2580.055
- Website: Abic.com.vn
- Mã cổ phiếu: ABI

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) được thành lập theo giấy phép số: 38GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/10/2006, Công ty chính thức khai trương hoạt động ngày 08/08/2007. Từ năm 2009 đến 2017 Công ty luôn đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm cao hơn mức tăng trưởng bình quân trên thị trường. Năm 2012, sau 5 năm thành lập, Công ty đã đạt doanh thu phí bảo hiểm 448,9 tỷ đồng. Ngày 06/12/2016, Công ty đã đạt mốc 1.000 tỷ đồng doanh thu phí bảo hiểm.

Kết thúc năm tài chính năm 2018 Công ty đạt doanh thu phí bảo hiểm gốc 1.413,4 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 214,8 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh Bảo hiểm phi nhân thọ; Đầu tư tài chính và ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty được phép hoạt động trong và ngoài nước theo quy định pháp luật.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

ABIC tổ chức quản trị kinh doanh theo mô hình của Công ty cổ phần, cơ cấu tổ chức và mạng lưới kinh doanh của Công ty như sau:

3.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị của

Công ty gồm 5 thành viên (danh sách các thành viên HĐQT tại mục **V. Quản trị Công ty**).

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên (danh sách Ban kiểm soát tại mục **V. Quản trị Công ty**).

Ban Tổng giám đốc: Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Danh sách Ban Tổng giám đốc tại điểm **2. Mục II**.

Các Phòng Ban Công ty:

- Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ;
- Ban Quản lý rủi ro;
- Phòng Tài sản kỹ thuật;
- Phòng Hàng hải;
- Phòng Phi Hàng hải;
- Phòng Tái bảo hiểm;
- Phòng Quản lý đại lý và PTHT;
- Phòng Giám định bồi thường;
- Phòng Kế toán - Tài chính;
- Phòng Đầu tư vốn;
- Phòng Tổ chức hành chính;
- Phòng Thư ký Pháp chế;
- Phòng Công nghệ thông tin;
- Phòng Kinh doanh.

3.2. Mạng lưới hoạt động của Công ty

3.2.1 Trụ sở chính ABIC

- Địa chỉ: Tầng 6 nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội

- Điện thoại: 0246.2990.055 - Fax: 0246.2580.055

3.2.2 Chi nhánh ABIC TP Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: 38 Phan Đăng Lưu - Phường 5 - Quận Phú Nhuận - TP HCM

- Điện thoại: 0283.8249.797 - Fax: 0283.8249.855

3.2.3 Chi nhánh ABIC Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 3- 343 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội.

- Điện thoại: 0243.7622.555 - Fax: 0243.7622.055

3.2.4 Chi nhánh ABIC Đà Nẵng

- Địa chỉ: Số 1 Tổng Phước Phổ - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng

- Điện thoại: 0236.3699.222 - Fax: 0236.3699.224

3.2.5 Chi nhánh ABIC Nghệ An

- Địa chỉ: Số 371A Nguyễn Văn Cừ - TP Vinh - Nghệ An

- Điện thoại: 0238.3833.366 - Fax: 0238.3837.766

3.2.6 Chi nhánh ABIC – Đắk Lắk

- Địa chỉ: Số 06 Trần Hữu Dực - Phường Tân Lợi - TP Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk

- Điện thoại: 0262.3957.695 - Fax: 0262.3926.567

3.2.7 Chi nhánh ABIC – Hải Phòng

- Địa chỉ: T6 số 62-64 Tôn Đức Thắng - Lê Chân - Hải Phòng

- Điện thoại: 0255.3637.555 - Fax: 0255.3719.555

3.2.8 Chi nhánh ABIC Khánh Hòa

- Địa chỉ: Số 45 Lam Sơn, Phường Phước Hòa, TP Nhà Trang, Khánh Hòa.

- Điện thoại: 0258.3510.066 - Fax: 0258.3510.077

3.2.9 Chi nhánh ABIC Cần Thơ

- Địa chỉ: Số 481 đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ.

- Điện thoại: 0292.3782.266 - Fax: 0292.3782.288

3.2.10 Chi nhánh ABIC Thanh Hóa

- Địa chỉ: Tầng 2 11 Phan Chu Chinh - Phường Điện Biên - TP Thanh Hóa - Thanh Hóa

- Điện thoại: 0237.3718.456 - Fax: 0237.3717.718

3.2.11 Chi nhánh ABIC- Phú Thọ

- Địa chỉ: Số 1674 đại lộ Hùng Vương - Phường Gia Cẩm - TP Việt Trì - Phú Thọ

- Điện thoại: 0210.3818.528 Fax: 0210.3818.529

4. Định hướng phát triển

4.1. Về phát triển sản phẩm dịch vụ:

- Về kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng: ABIC đặt mục tiêu trở thành doanh nghiệp bảo hiểm có mô hình kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng với vị thế hàng đầu trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

- Thông qua các biện pháp nghiệp vụ bảo hiểm, ABIC tích cực góp phần giảm thiểu rủi ro, tổn thất về vốn và tài sản của Agribank đặc biệt là khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Góp phần đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, tăng nguồn thu nhập dịch vụ của hệ thống Agribank thông qua hoạt động Dịch vụ Đại lý Bảo hiểm.

- Hình thành kênh huy động vốn thường xuyên, có tính ổn định của Agribank thông qua nguồn phí bảo hiểm thu được từ ABIC.

- Về sản phẩm: Phát triển các sản phẩm bảo hiểm liên kết với các sản phẩm Ngân hàng để khai thác tối đa tiềm năng của Agribank; dành nguồn lực hợp lý phối hợp nhà Tái bảo hiểm quốc tế phát triển các sản phẩm bảo hiểm Nông nghiệp bảo vệ vốn tín dụng của Agribank phục vụ khu vực Nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

4.2. Về hiệu quả kinh doanh:

- Ngoài việc đáp ứng cơ bản các chỉ tiêu đo lường, đánh giá và xếp loại của Bộ Tài chính, ABIC xây dựng các chỉ tiêu đánh giá hoạt động theo nhóm nghiệp vụ đối với từng đơn vị làm cơ sở cho công tác quản trị và điều hành.

- Về doanh thu, ABIC phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân từ 10-15%/năm.

- Về lợi nhuận, phấn đấu tăng trưởng trung bình từ 5-10%/năm.

- Về cổ tức, đảm bảo tỷ lệ ngang bằng với mức chi trả của thị trường bảo hiểm (khoảng 10-12%/năm/1 cổ phần).

4.3. Về năng lực cạnh tranh: Duy trì trong nhóm 10 doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh có hiệu quả.

4.4. Về quản trị rủi ro: Đảm bảo các hoạt động được đánh giá, kiểm soát thường xuyên bằng quy trình, đủ cán bộ để kiểm tra; thực hiện kiểm soát từ xa; xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ theo từng mảng nghiệp vụ; nâng cao tính tuân thủ nội bộ.

4.5. Quản trị điều hành:

- Ổn định về tổ chức, điều chỉnh lại mô hình tổ chức tại Trụ sở chính và Chi nhánh theo hướng ít gây xáo trộn; tách công tác khai thác khỏi bồi thường; tách công

tác quản lý nghiệp vụ ra khỏi kinh doanh trực tiếp; đảm bảo minh bạch và kiểm soát được rủi ro; áp dụng được các quy trình chuẩn từ khai thác, bồi thường, tái bảo hiểm.

- Đảm bảo Trụ sở chính có khả năng giám sát hoạt động tốt đối với Chi nhánh; ban hành đầy đủ các cơ chế quy chế nội bộ, phân cấp phân quyền hợp lý phù hợp với năng lực điều hành của từng chi nhánh trên cơ sở đánh giá hàng năm.

Thực hiện phân cấp phân quyền cho các đơn vị theo nhóm nghiệp vụ theo năng lực quản lý của từng Chi nhánh. Các tiêu chí đánh giá sẽ được xem xét lại khi kết thúc năm tài chính, làm cơ sở cho việc phân cấp và giao kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo.

- Kiện toàn đủ nhân sự các cấp từ Ban điều hành đến các phòng, ban nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển.

4.6. Về thị trường khách hàng: ABIC trở thành doanh nghiệp đi đầu trong phát triển hoạt động kinh doanh vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Phần đầu đến năm 2020, duy trì thường xuyên từ 2 đến 3 triệu hộ nông dân được bảo hiểm gắn với hoạt động cấp tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn của Agribank.

5. Các rủi ro

Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Phần lớn các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, và Đà Nẵng.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Công ty.

Công ty cũng áp dụng mức trách nhiệm tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ). Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Công ty được quyết định bởi Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám Đốc có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Về rủi ro tài chính: Toàn bộ danh mục đầu tư tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định do vậy Công ty không có rủi ro về thay đổi lãi suất. Phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng VND đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	KH 2018	Thực hiện 2018	TL hoàn thành KH	Tăng trưởng	
						Giá trị	tỷ lệ
I/	Doanh thu bán hàng	1.315.655	1.476.600	1.509.960	102,3%	194.305	14,8%
1	Doanh thu phí BH gốc	1.235.110	1.388.000	1.413.431	101,8%	178.321	14,4%
2	Doanh thu đầu tư TC	80.545	88.600	96.529	108,9%	15.984	19,8%
II/	Lợi nhuận trước thuế	160.513	176.600	214.806	121,6%	54.293	33,8%
III/	Cổ tức	12%	12%	12%	100,0%		

Năm 2018 ABIC đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ thường niên 2018 giao. Cụ thể: Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 1.413.431 triệu đồng, tăng trưởng 14,4% so với năm 2017, hoàn thành 101,8% kế hoạch; Doanh thu đầu tư tài chính thực hiện 96.529 triệu đồng, tăng trưởng 19,8% so với năm 2017, hoàn thành 108,9% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế thực hiện 214.8 triệu đồng tăng trưởng 33,8% so với 2017, hoàn thành 121,6% kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân của Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
1	Hoàng Thị Tính	Tổng giám đốc		0,11
2	Đỗ Minh Hoàng	Phó Tổng giám đốc		0,18
3	Mai Sinh	Phó Tổng giám đốc		0,11
4	Quách Tá Khang	Phó Tổng giám đốc		0,09
5	Nguyễn Tiến Hải	Phó Tổng giám đốc		0,16

Tóm tắt lý lịch ban điều hành:

2.1.1. Bà Hoàng Thị Tính - Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 03/05/1964.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 1985 đến 1991: Nhân viên kế toán Agribank huyện Giao Thủy - Nam Định;
 - + Từ 1991 đến 1992: Giám định viên Agribank huyện Giao Thủy - Nam Định;
 - + Từ 1992 đến 1997: Phó trưởng phòng Kế toán Agribank huyện Giao Thủy - Nam Định;
 - + Từ 4/1997 đến 7/1998: Trưởng phòng Kế toán Agribank huyện Giao Thủy - Nam Định;
 - + Từ 8/1998 đến 11/1999: Cán bộ kế toán Sở kinh doanh Hối đoái Agribank;
 - + Từ 12/1999 đến 7/2004: Phó Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ - Sở giao dịch Agribank;
 - + Từ 8/2004 đến 9/2006: Kiểm tra trưởng Sở giao dịch Agribank;

- + Từ 10/2006 đến 5/2007: Thành viên ban trù bị thành lập ABIC;
- + Từ 5/2007 đến 11/2007: Trưởng phòng kế toán tài chính ABIC;
- + Từ 11/2007 đến 12/09/2010: Kế toán trưởng ABIC;
- + Từ 13/09/2010 đến 08/06/2014 Phó Tổng giám đốc ABIC;
- + Từ 09/06/2014 đến nay: Tổng giám đốc ABIC.

2.1.2. Ông Đỗ Minh Hoàng- Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1966
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng Bảo hiểm; Cử nhân Luật; Kiểm toán viên nhà nước, chứng chỉ đào tạo các nhà lãnh đạo DNBH,

- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc ABIC.
- Kinh nghiệm công tác:

- + Từ 1990 đến 1994: TP Bảo hiểm Sóc Sơn - Bảo hiểm Hà Nội;
- + Từ 1994 đến 1996: TP Bảo hiểm Hai Bà Trưng - Bảo Việt Hà Nội;
- + Từ 1996 đến 1997: Phó phòng Bảo hiểm Phi Hàng Hải - Bảo Minh Hà Nội;
- + Từ 1997 đến 1998: Trưởng đại diện Chi nhánh Bảo Minh Hải Dương;
- + Từ 1998 đến 2000: Phó phòng Phi Hàng Hải - Bảo Minh Hà Nội;
- + Từ 2000 đến 2004: Trưởng phòng khu vực 8 - Bảo Minh Hà Nội;
- + Từ 2004 đến 2006: Kiểm toán viên Nhà nước - CQ kiểm toán Nhà nước;
- + Từ 5/2006 đến 5/2007: Chuyên viên Ban trù bị thành lập ABIC;
- + từ 5/2007 đến 18/05/2010: Quyền Tổng giám đốc ABIC;
- + Từ 18/05/2010 đến nay: Phó Tổng giám đốc ABIC.

2.1.3. Ông Quách Tá Khang - Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 06/06/1964.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông, cao cấp lý luận chính trị.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Kinh nghiệm công tác:

- + Từ 1988 đến 12/1994: Cán bộ Phòng lao động tiền lương & Phòng kế toán tài vụ - Công ty xây dựng công trình đường thủy 2;
- + Từ 01/1995 đến 12/1995: Cán bộ Phòng tài chính kế toán - Công ty vận tải xăng dầu đường thủy 1;
- + Từ 12/1995 đến 3/2000: Trưởng phòng kế toán tổng hợp - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Hải Phòng;
- + Từ 4/2000 đến 3/2004: Trưởng phòng tài chính kế toán - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex TP.HCM;
- + Từ 4/2004 đến 9/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Bình Dương;
- + Từ 10/2005 đến 7/2008: Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Bình Dương;
- + Từ tháng 7/2008 đến 7/2011: Giám đốc Chi nhánh ABIC TP. HCM.
- + Từ tháng 7/2011 đến nay giữ chức Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh ABIC TP. HCM.

2.1.4. Ông Mai Sinh - Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 20/11/1961
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Quá trình công tác:

- + Từ 9/1986 đến 11/1989: Cán bộ Công ty Bảo hiểm Hà Nội;
- + Từ 12/1989 đến 7/1990: Phó phòng Bảo hiểm phương tiện - Bảo Việt Hà Nội;
- + Từ 8/1990 đến 11/1994: Phó phòng phụ trách Phòng Bảo hiểm phi hàng hải - Bảo Việt Hà Nội;
- + Từ 12/1994 đến 7/1995: Cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;
- + Từ 8/1995 đến 2/1996: Phó Giám đốc phụ trách phòng Thông tin - Pháp lý và Quan hệ quốc tế - Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;
- + Từ 3/1996 đến 7/1996: Cán bộ Công ty Bảo hiểm TP. Hồ Chí Minh - Bảo Minh Chi nhánh Hà Nội;
- + Từ 8/1996 đến 12/1997: Phó phòng Phi hàng hải phụ trách bộ phận đại lý - Cộng tác viên - Bảo Minh Hà Nội;
- + Từ 01/1997 đến 8/1998: Trưởng phòng Đại diện bảo hiểm Bảo Minh Nghệ An;
- + Từ 9/1998 đến 02/1999: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Bảo Minh Nghệ An;
- + Từ 03/1999 đến 4/2000: Trưởng phòng nghiệp vụ Bảo Minh Hà Nội;
- + Từ 7/2001 đến 12/2004: Trưởng phòng Công nghệ và dịch vụ thông tin - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- + Từ 1/2005 đến 4/2005: Trưởng phòng Thông tin tuyên truyền - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- + Từ 4/2005 đến 7/2006: Trưởng văn phòng đại diện Bảo Minh tại Hà Nội;
- + Từ 8/2006 đến 6/2007: Chuyên viên Ban trụ bị thành lập ABIC;
- + Từ 6/2007 đến 30/8/2012: Trưởng Phòng Quản lý Đại lý & PTHT ABIC;
- + Từ 1/9/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc ABIC.

2.1.5. Ông Nguyễn Tiến Hải - Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 12/08/1975
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật kinh tế và quản lý chuyên ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1997 đến 4/1998: Cán bộ Công ty phần mềm kế toán - Công ty Bảo Việt Bà Rịa - Vũng Tàu;
 - + Từ 5/1998 đến 9/1998: Cán bộ Phòng giám định - Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng (Chi nhánh Hà Nội);
 - + Từ 10/1998 đến 12/2002: Cán bộ Phòng kế toán, Phòng Kinh doanh Công ty Bảo Minh Hà Nội;
 - + Từ 01/2003 đến 10/2006: Phụ trách phòng Kinh doanh Bảo hiểm PJICO;
 - + Từ 11/2006 đến 7/2007: Trưởng phòng Tài sản - Bảo Minh Thăng Long;
 - + Từ 25/7/2007 đến 23/9/2012: Trưởng Phòng Tài sản kỹ thuật ABIC;
 - + Từ 24/9/2012 đến 30/6/2014: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội thuộc ABIC;
 - + Từ 01/7/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc ABIC.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2018

(Không thay đổi)

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động

- Nhân sự toàn Công ty tính đến 31/12/2018 là: 649 cán bộ nhân viên.
- Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo doanh thu phí bảo hiểm thực hiện và hiệu quả kinh doanh theo quy định nội bộ về Quỹ thu nhập trong

toàn Công ty. Đây là chính sách nền tảng điều chỉnh về cơ chế phân phối tiền lương cho người lao động, gắn việc phân phối tiền lương với kết quả kinh doanh cuối cùng. Ngoài ra, các chế độ BHXH, BHYT, BHTN luôn được đảm bảo đầy đủ đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: (không có)

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: (Không có)

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
1	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.230.766.275.335	1.003.494.506.054
2	Doanh thu hoạt động tài chính	96.529.386.360	80.544.560.642
3	Thu nhập khác	442.705.714	405.743.636
4	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-703.941.180.032	-574.486.886.061
5	Chi phí hoạt động tài chính	-43.870.940	-42.994.152
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-408.897.068.564	-349.265.011.639
7	Chi phí khác	-50.648.970	-136.620.645
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	214.805.598.903	160.513.297.835
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-43.007.248.971	-32.155.119.709
10	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	171.798.349.932	128.358.178.126

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2017
1.	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	9,37	9,07
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	90,63	90,93
2.	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	65,02	63,29
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	34,98	36,71
3.	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	7,68	8,65
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	7,7	8,67
4.	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	10,04	8,96
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,96	12,79
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	22,95	19,51

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty: 38.000.000 CP mệnh giá 10.000 đồng, trong đó: Cổ phần phổ thông: 38.000.000 CP, cổ phần ưu đãi: (Không có), cổ phần hạn chế chuyển nhượng: (Không có).

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 36.841.800 CP, tổng số cổ phần chưa lưu hành (Cổ phiếu quỹ): 1.158.200 CP.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

5.2.1. Cổ đông lớn:

Các cổ đông lớn sở hữu: 22.700.000 CP chiếm: 59,74% cổ phần của Công ty.

Danh sách các cổ đông lớn của Công ty:

- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam, địa chỉ số 2 Láng Hạ, Ba Đình- Hà Nội, sở hữu 19.500.000 CP chiếm 51,32% Vốn điều lệ.

- Tổng Công ty Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam, địa chỉ 141 Lê Duẩn – Hoàn Kiếm – Hà Nội, sở hữu 3.200.000 CP, chiếm 8,42% Vốn điều lệ.

5.2.2 Cổ đông nhỏ khác

Tổng sở hữu của các cổ đông khác là: 15.300.000 CP, chiếm: 40,26% cổ phần của Công ty.

5.2.3 Cổ đông sở hữu nhà nước:

Tổng sở hữu của cổ đông nhà nước là: 19.500.000 CP, chiếm: 51,32% cổ phần của Công ty.

Danh sách các cổ đông nhà nước:

TT	Tên cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ %
1	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	19.500.000	51,32

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

(Năm 2018 vốn điều lệ của Công ty không thay đổi)

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2018: (không phát sinh)

5.5. Các chứng khoán khác:

(Không có)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm: Năm 2018 tổng doanh thu bảo hiểm gốc thực hiện: 1.413.431 triệu đồng tăng trưởng 14,4% so với năm 2017, tăng cao hơn mức tăng trưởng chung của thị trường BH phi nhân thọ.

1.2. Hoạt động đầu tư tài chính

Tổng dư đầu tư tiền gửi tại các chi nhánh AGRIBANK đến 31/12/2018 là 1.630.617 triệu đồng chiếm tỷ trọng 100% tổng số dư đầu tư tài chính, tổng doanh thu đầu tư tài chính năm 2018 thực hiện 96.529 triệu đồng, tăng trưởng 19,8% so với năm 2017, hoàn thành 108,9% kế hoạch năm.

1.3. Kết quả kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 Công ty thực hiện 214.806 triệu đồng, tăng trưởng 33,8% so với năm 2017, đạt 121,6% kế hoạch.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin đã được Công ty từng bước phát triển đã nâng cao được hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp, Năm 2018 Công ty đã triển khai thành công cấp đơn bảo hiểm áp dụng chữ ký số một số sản phẩm bảo hiểm đã góp phần tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Mục tiêu định hướng kinh doanh năm 2019

- Doanh thu phí bảo hiểm tăng trưởng 10% so với năm 2018

- Lợi nhuận trước thuế phần đầu tăng trưởng 5% so với năm 2018
- Cổ tức chi trả phần đầu đạt 12%.

3.2. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục khai thác thị trường truyền thống, tập trung nguồn lực phát triển mô hình kênh phân phối Bancassurance, lấy khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân làm thị trường chủ đạo.

Mục tiêu chiến lược là đưa ABIC trở thành một doanh nghiệp bảo hiểm có uy tín về chất lượng và phong cách phục vụ khách hàng, chuyên nghiệp trong công tác giám định tổn thất, giải quyết khiếu nại, chi trả tiền bồi thường thuận lợi, minh bạch, nhanh chóng và chính xác. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích của khách hàng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và an sinh xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với Công ty Cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Ban Tổng Giám đốc công ty gồm 5 thành viên (Tổng Giám đốc và 4 Phó Tổng Giám đốc, trong đó 1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực phía Nam) đã thực hiện tốt việc phân công công việc, phân cấp và uỷ quyền đảm bảo điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, bao quát toàn bộ các Chi nhánh theo khu vực địa lý.

- Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo Công ty tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT Công ty, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt thực tiễn hoạt động kinh doanh để có quyết định điều chỉnh phù hợp.

Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ Công ty và theo đúng định hướng của HĐQT, thực hiện hoàn thành và vượt mức kế hoạch kinh doanh do HĐQT giao.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hoạt động của HĐQT trong năm 2019 sẽ tập trung vào một số lĩnh vực sau:

- Năm 2019, HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 các nội dung cần được thông qua và phê duyệt theo quy định của Pháp luật và Điều lệ .
- Duy trì nghiêm túc hoạt động của HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ , nâng cao năng lực, hiệu quả giám sát của HĐQT đối với các hoạt động điều hành kinh doanh thường xuyên của ABIC .
- Phát huy tính chủ động của các thành viên HĐQT trong việc quản lý, giám sát và hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động kinh doanh theo nhiệm vụ được phân công.
- Tập trung rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hệ thống các cơ chế, quy chế, quy định về quản trị điều hành hoạt động kinh doanh của ABIC, phát huy vai trò các bộ máy giúp việc HĐQT.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức tại Trụ sở chính và các chi nhánh theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Xây dựng cơ chế phát triển nguồn nhân sự có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tiễn kinh doanh.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng giám đốc hoàn thiện và trình HĐQT các quy trình quản trị, quản lý nội bộ nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh và quản lý rủi ro như: Quy chế về phân phối tiền lương, quy định về đăng ký dự án, quy chế nội bộ về quản trị điều hành...
- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ các đơn vị trên toàn hệ thống.

- Phát triển thêm các sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm liên kết với ngân hàng.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hoạt động kinh doanh theo mục tiêu giai đoạn 2017-2022 của HĐQT.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào kinh doanh, tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu, lựa chọn sản phẩm, địa bàn để mở rộng theo lộ trình phù hợp việc cấp giấy chứng nhận bảo hiểm chữ ký số đối với các sản phẩm bảo hiểm khác, đồng thời xây dựng đề án và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai sử dụng hóa đơn điện tử trong toàn hệ thống ABIC đáp ứng các yêu cầu về quản trị, điều hành, hạch toán kế toán... nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí, nhanh gọn - chính xác trong hoạt động kế toán.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của HĐQT theo Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân của thành viên HĐQT.

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Tỷ lệ CP (%)
1	Đình Việt Đông	Chủ tịch HĐQT		0
2	Hoàng Thị Tính	Phó Chủ tịch HĐQT	Kiểm TGD	0,11
3	Đặng Văn Liễu	Thành viên HĐQT	Kiểm GD CN	0,03
4	Dương Văn Thành	Thành viên HĐQT		0
5	Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT chuyên trách		0

1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

(Không có)

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1.3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Số TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Đình Việt Đông	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2017	4/4	100%	
2	Hoàng Thị Tính	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2017	4/4	100%	
3	Lê Hồng Quân	Thành viên chuyên trách	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2017	4/4	100%	
4	Dương Văn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2017	4/4	100%	
5	Đặng Văn Liễu	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2017	4/4	100%	

1.3.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

ABIC thực hiện hoạt động giám sát của HĐQT với Tổng Giám đốc theo đúng các quy định của pháp luật, cụ thể như:

HĐQT, Chủ tịch HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hoạt động giám sát của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo các cách thức khác nhau như:

- Thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn giữa HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc;

- Thông qua các báo cáo chi tiết đầy đủ, kịp thời của Tổng Giám đốc về tiến độ thực hiện, những khó khăn vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý;

- Thông qua Ban Kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT, phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc;

- Các văn bản do Ban Tổng Giám đốc ban hành liên quan đến nhân sự, cơ chế kinh doanh, quản lý rủi ro hoạt động... đều được gửi đến các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty.

- Hàng tháng các thành viên Ban Tổng Giám đốc trực tiếp báo cáo kết quả công việc với Chủ tịch HĐQT tại Hội nghị giao ban.

- Các thành viên HĐQT chủ động thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát trong phạm vi được phân công, thực hiện các hoạt động hỗ trợ các đơn vị chi nhánh. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT được báo cáo với HĐQT tại các kỳ họp.

1.3.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

(Công ty không có thành viên HĐQT độc lập)

1.3.4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm.

(Không có)

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên trong đó có 1 Trưởng ban chuyên trách, 1 thành viên chuyên trách và 1 thành viên không chuyên trách.

2.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
1	Trương Đình Cảnh	Trưởng ban		0,005
2	Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên		0,001
3	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên		0

2.3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ theo luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp; Ban kiểm soát đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức.

- Năm 2018 Ban kiểm soát đã tổ chức họp 3 lần cụ thể như sau:
- ✓ Ngày 20/03/2018 Ban kiểm soát họp:
 - + Thông báo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp năm 2017.
 - + Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017.
 - + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên kiểm tra, giám sát và chuẩn bị cho Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.
 - + Xây dựng chương trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát sau Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - + Các thành viên Ban kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên.
- ✓ Ngày 23/03/2018 Ban kiểm soát họp:
 - + Thông qua kết quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát.
 - + Thông qua dự thảo báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2017; Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty năm 2017.
 - + Thông qua dự thảo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017.
 - + Lập báo cáo của Ban kiểm soát phục vụ công tác lập báo cáo thường niên 2018.
 - + Triển khai chương trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát sau Đại hội đồng cổ đông 2018.
 - + Triển khai công tác kiểm tra, thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cổ đông lớn Agribank tại văn bản số: 1612/NHNo-ĐT ngày 13/02/2018 của Tổng giám đốc Agribank.
 - Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh lên Đại hội đồng cổ đông thường niên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2017.
- ✓ Ngày 18/12/2018 Ban kiểm soát họp:
 - Đánh giá sơ bộ tình hình hoạt động kinh doanh công ty đến thời điểm 30/11/2018.
 - Đánh giá sơ bộ hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát trong 11 tháng đầu năm 2018
 - Triển khai công tác xây dựng kế hoạch hoạt động và công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2019.
 - Tham gia các hội nghị sơ kết, tổng kết và theo dõi các phong trào thi đua do công ty và các chi nhánh trực thuộc.
 - Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh lên Đại hội đồng cổ đông thường niên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2018.

- Tổ chức kiểm tra giám sát các hoạt động đối với các chi nhánh trực thuộc công ty trong năm 2018.

- Tham dự các buổi giao ban của công ty để nắm bắt tình hình triển khai kết quả hoạt động, kinh doanh của toàn công ty.

- Phối hợp và kết hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc, Các ban, phòng nghiệp vụ Trụ sở chính và các chi nhánh trực thuộc trong quá trình kiểm tra giám sát để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị: đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Tiền lương	Thù lao
I	Hội đồng Quản trị			4.099.490.000	180.000.000
1	Đình Việt Đông	Chủ tịch HĐQT	12	1.036.800.000	
2	Hoàng Thị Tính	Phó CT HĐQT kiêm TGD	12	1.036.800.000	
3	Lê Hồng Quân	Thành viên chuyên trách	12	1.036.800.000	
4	Dương Văn Thành	Thành viên	12		180.000.000
5	Đặng Văn Liễu	Thành viên kiêm GD CN	12	989.090.000	
II	Ban kiểm soát			2.081.177.371	60.000.000
1	Trương Đình Cảnh	Trưởng ban	12	1.125.882.840	
2	Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên chuyên trách	12	955.294.531	
3	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên	12		60.000.000
III	Ban điều hành			4.463.258.338	
1	Đỗ Minh Hoàng	Phó TGD	12	1.125.882.840	
2	Mai Sinh	Phó TGD	12	1.125.882.840	
3	Nguyễn Tiến Hải	Phó TGD	12	1.091.765.178	
4	Quách Tá Khang	Phó TGD kiêm GD CN	12	1.119.727.480	
	Tổng cộng			10.643.925.709	240.000.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ công ty năm 2018

(không phát sinh giao dịch)

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Không phát sinh)

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt

Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.939.606.115.524	1.629.245.044.479
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	210.879.933.269	139.834.923.154
111	1. Tiền		58.607.933.269	41.334.923.154
112	2. Các khoản tương đương tiền		152.272.000.000	98.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.418.345.291.700	1.212.845.291.700
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.418.345.291.700	1.212.845.291.700
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	79.649.101.861	87.701.238.181
131	1. Phải thu của khách hàng		33.528.544.315	49.203.453.270
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		33.528.544.315	49.203.453.270
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.649.546.637	2.631.306.646
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		50.813.862.592	42.095.864.176
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-6.342.851.683	-6.229.385.911
140	IV. Hàng tồn kho		3.461.175.901	3.287.901.939
141	1. Hàng tồn kho		3.461.175.901	3.287.901.939
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		150.562.095.208	128.141.413.843
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		150.562.095.208	128.141.413.843
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		150.562.095.208	128.141.413.843
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		-	-
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm	16.2	76.708.517.585	57.434.275.662
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		38.120.964.499	30.018.677.975
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		38.587.553.086	27.415.597.687
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200.501.122.067	162.470.739.520
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.004.432.629	6.497.282.630
216	1. Phải thu dài hạn khác		7.004.432.629	6.497.282.630
216.1	1.1. Ký quỹ bảo hiểm		6.000.000.000	6.000.000.000
216.2	1.2. Phải thu dài hạn khác		1.004.432.629	497.282.630
220	II. Tài sản cố định		129.320.715.300	127.624.300.253
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	68.652.860.891	66.384.848.791
222	- Nguyên giá		119.233.106.764	110.033.348.582
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-50.580.245.873	-43.648.499.791
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	60.667.854.409	61.239.451.462
228	- Nguyên giá		65.634.778.877	65.448.744.887
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-4.966.924.468	-4.209.293.425
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		60.000.058.302	22.500.058.302

255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	60.000.058.302	22.500.058.302
260	IV. Tài sản dài hạn khác		4.175.915.836	5.849.098.335
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.175.915.836	5.849.098.335
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.140.107.237.591	1.791.715.783.999
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.391.427.506.851	1.133.944.033.796
310	I. Nợ ngắn hạn		1.391.427.506.851	1.133.944.033.796
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	63.314.674.539	62.362.561.711
311.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		62.205.879.327	60.964.781.934
311.2	1.2. Phải trả khác cho người bán		1.108.795.212	1.397.779.777
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	17.462.788.121	566.681.415
314	3. Phải trả người lao động		98.992.012.849	57.954.675.346
318.1	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		11.661.563.486	6.906.634.314
318.2	5. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	14	10.625.186.519	8.271.523.130
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	12.786.385.837	13.725.283.585
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		37.142.924.990	38.114.646.711
329	8. Dự phòng nghiệp vụ	16.1	1.139.441.970.510	946.042.027.584
329.1	8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.2.1	877.482.672.877	741.856.809.804
329.2	8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.2.2	173.504.918.920	129.147.233.274
329.3	8.3. Dự phòng dao động lớn	16.3	88.454.378.713	75.037.984.506
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		748.679.730.740	657.771.750.203
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	748.679.730.740	657.771.750.203
411	1. Vốn cổ phần		380.000.000.000	380.000.000.000
411a	1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		380.000.000.000	380.000.000.000
412	1. Thặng dư vốn cổ phần		12.000.000.000	12.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		-13.898.400.000	-13.898.400.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		124.633.188.964	86.133.188.964
419	4. Quỹ dự trữ bắt buộc		38.000.000.000	33.448.652.880
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		207.944.941.776	160.088.308.359
421a	6.1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		36.146.591.844	31.730.130.233
421b	6.2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		171.798.349.932	128.358.178.126
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.140.107.237.591	1.791.715.783.999

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.230.766.275.335	1.003.494.506.054

12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	96.529.386.360	80.544.560.642
13	3. Thu nhập khác	442.705.714	405.743.636
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-703.941.180.032	-574.486.886.061
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	-43.870.940	-42.994.152
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	-408.897.068.564	-349.265.011.639
24	7. Chi phí khác	-50.648.970	-136.620.645
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	214.805.598.903	160.513.297.835
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-43.007.248.971	-32.155.119.709
60	11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	171.798.349.932	128.358.178.126

2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị: Đồng

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thu yết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.407.868.039.670	1.232.150.026.954
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		-850.782.528.250	-781.436.765.880
3	3. Tiền chi trả cho người lao động		-175.327.027.212	-173.449.065.111
4	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	-26.989.404.784	-41.831.516.262
5	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.158.478.538	5.574.884.209
6	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-80.750.928.830	-71.963.748.078
20	Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		279.176.629.132	169.043.815.832
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định		-9.915.159.445	-2.867.866.000
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		241.500.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-534.272.000.000	-446.500.000.000
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		291.272.000.000	275.711.250.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		88.317.680.428	74.118.380.375
30	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		-164.355.979.017	-99.538.235.625
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-43.775.640.000	-43.985.040.000

4 0	Tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		-43.775.640.000	-43.985.040.000
5 0	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)		71.045.010.115	25.520.540.207
6 0	Tiền và tương đương tiền đầu năm		139.834.923.154	114.314.382.947
7 0	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	4	210.879.933.269	139.834.923.154

Nơi nhận:

- Ủy ban chứng khoán NN (để b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để b/c);
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Trưởng Ban kiểm soát (để b/c);
- Các Phó TGĐ (để biết);
- Lưu TCHC, ĐTV.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Linh